

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 04/4/2023

V/v "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hữu Xuân Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 04 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 24/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Châu Đình T, sinh năm: 1985; Nơi cư trú: Tổ dân phố LA, phường CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Ngô Nhã Tr, sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Tổ dân phố LA, phường CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Châu Đình T và bà Ngô Nhã Tr tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ năm 2016 và được Ủy ban nhân dân phường CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44, ngày 24 tháng 8 năm 2016.

Sau khi kết hôn, ông và bà Tr về sinh sống tại tổ dân phố LA, phường CL, thành phố C. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên kinh cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do không hòa hợp về mọi mặt, bất đồng quan điểm sống. Dù đã được gia đình hai bên nhiều lần khuyên nhủ, hòa giải nhưng nguyên đơn nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là Châu Nhã Ng (sinh ngày 31/01/2017) và Châu Đình Tr1 (sinh ngày 25/11/2018), nguyên đơn yêu cầu giao 02 con chung cho bà Tr tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày thêm các mâu thuẫn cụ thể về vấn đề tài chính (bị đơn không công khai các quyết định về tài chính với nguyên đơn), về quan hệ sinh lý (do bị đơn có bệnh lý sau khi sinh con thứ 2 phải cắt bỏ 1 phần tử cung) và các vấn đề khác không tìm được tiếng nói chung. Bên cạnh đó, nguyên đơn cũng đã thừa nhận bị đơn luôn hoàn thành nghĩa vụ làm mẹ, làm vợ trong gia đình; trong thời gian gần đây, bị đơn có nhiều thay đổi theo hướng tích cực nhưng nay tình cảm của nguyên đơn dành cho bị đơn không còn nên kiên quyết xin ly hôn.

Bị đơn trình bày:

Bà không muốn ly hôn theo yêu cầu của Ông T, bởi nhiều lý do, cụ thể: Trong quá trình chung sống, bà nhận thấy đã sống chưa trọn vẹn với vai trò của người vợ, nhưng bà vẫn còn tình cảm, trách nhiệm với chồng, gia đình, mong muốn có cơ hội bù đắp và sống tốt hơn. Hai con chung còn nhỏ, sống xa cha mẹ sẽ thiệt thòi và tổn thương về mặt tình cảm.

Bà mong muốn Tòa án hòa giải để gia đình được đoàn tụ vì Ông T là người cha, người chồng tốt, sống có trách nhiệm, vui vẻ và giàu tình cảm.

Tại phiên tòa, bị đơn vẫn có nguyện vọng tha thiết được đoàn tụ. Bị đơn thừa nhận trong thời gian trước đây vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bà quá chủ quan cho rằng mình đúng trong các quyết định về tài chính nên không chia sẻ, thiếu tôn trọng nguyên đơn nhưng bị đơn luôn vun vén, chăm lo cho chồng, con chứ không tiêu sài gì cho bản thân. Về vấn đề sinh lý thì bà thừa nhận sau khi sinh con thứ 2 bản thân bà do bị vấn đề về sức khỏe sau sinh, nhưng bà tha thiết mong được sự đồng cảm và chia sẻ cùng chồng, hiện nay bà đã bình thường về mặt sức khỏe. Về các vấn đề mâu thuẫn khác bà cho rằng rất nhỏ nhặt, không trầm trọng chỉ là do hai bên hiểu lầm nhau do Ông T không chịu chia sẻ, tâm sự cùng bà những vấn đề không hợp ý. Bản thân bà luôn quan tâm, yêu thương chồng, con và mong muốn đoàn tụ để cùng chia sẻ trách nhiệm chăm sóc các con.

Về vấn đề con chung: bị đơn xác nhận có 02 con chung như nguyên đơn trình bày. Nếu trong trường hợp ly hôn thì bà có nguyện vọng nuôi dưỡng các con, về việc cấp dưỡng thì không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu quan điểm: Đề nghị chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Châu

Đình T và bà Ngô Nhã Tr được ly hôn. Về con chung: Giao con chung là Châu Nhã Ng (sinh ngày 31/01/2017) và Châu Đình Tr1 (sinh ngày 25/11/2018) cho bà Ngô Nhã Tr trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (trung bình 1.500.000 đồng/tháng/con chung) kể từ tháng 4/2023 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, xét thấy vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, các đương sự có nơi cư trú, địa chỉ ổn định. Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp đã đầy đủ đảm bảo cho việc giải quyết vụ án nên Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn theo khoản 1 Điều 317 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án cũng không phát sinh thêm tình tiết mới nào khác để làm căn cứ cho việc chuyển vụ án sang giải quyết theo thủ tục thông thường theo quy định tại khoản 3 Điều 317 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có năm sinh là 1985 nhưng tại đơn khởi kiện Ông T khai năm sinh là 1986 là có sự nhầm lẫn. Trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản, tài liệu về nhân thân do nguyên đơn cung cấp đều thể hiện năm sinh của nguyên đơn là 1985. Nay đính chính lại năm sinh của nguyên đơn cho đúng là 1985.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Châu Đình T và bà Ngô Nhã Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận kết hôn số 44, ngày 24 tháng 8 năm 2016. Đây là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: nguyên đơn khai rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên xin ly hôn. Tuy nhiên, qua lời khai của các bên thể hiện rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống vợ chồng do những hiểu lầm giữa hai bên. Nguyên đơn cũng thừa nhận bà Tr vẫn hoàn thành nghĩa vụ làm vợ, làm mẹ trong gia đình chứ không có hành vi vi phạm gì. Về mức độ mâu thuẫn thì các bên đều thừa nhận chỉ là kinh cãi qua lại. Bản thân bà Tr cũng tha thiết xin được hàn gắn vì còn nhiều tình cảm với gia đình, bà cũng đã có nhiều thay đổi, tránh những va chạm, xung đột giữa vợ chồng. Về vấn đề mâu thuẫn về tài chính thì các bên cũng đã thừa nhận bà Tr là người quán xuyến, chăm lo cho các con và Ông T chứ không có hành vi tiêu sài riêng cho cá nhân bà hoặc vô trách nhiệm với gia đình. Về mâu thuẫn trong sinh hoạt vợ chồng các bên đều thừa nhận do ảnh hưởng sức khỏe sau khi bà Tr sinh con, khi thực hiện thiên chức của người phụ nữ do vậy cần có thêm sự quan tâm, chia sẻ của Ông T đối với bà Tr chứ không thể lấy lý do mâu thuẫn này để ly hôn. Tại khoản 1 của Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình cũng quy định như sau:

“Điều 19. Tình nghĩa vợ chồng

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.”

Xét thấy những mâu thuẫn giữa Ông T và bà Tr chưa đến mức trầm trọng, có thể hàn gắn, đoàn tụ để cùng thực hiện trách nhiệm chăm sóc, giáo dục các con. Đồng thời mâu thuẫn xảy ra xuất phát từ một phần lỗi của nguyên đơn đã thực hiện chưa đúng tinh thần quy định về “*Tình nghĩa vợ chồng*” theo khoản 1 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, cụ thể chưa thực hiện nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc bà Tr; chưa cùng bà Tr chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình với tinh thần trách nhiệm.

Từ những nhận định trên, hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ xác định “*vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*” theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3] *Về con chung, tài sản chung, nợ chung*: Vì không chấp nhận cho các bên ly hôn nên không xét việc giải quyết con chung. Về tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu và không chấp nhận cho các bên ly hôn nên không xem xét, giải quyết.

[4] *Án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí do không được chấp nhận các yêu cầu khởi kiện. Do vụ án được thụ lý, giải quyết theo thủ tục rút gọn nên nguyên đơn phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về “Ly hôn”.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 56 và 81 Luật Hôn nhân gia đình;
- Các Điều 147, 266, 316, 317, 320 và 322 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Châu Đình T về việc ly hôn.

2/ *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: không xem xét, giải quyết.

3/ *Về tài sản chung, nợ chung*: không có yêu cầu và không chấp nhận cho các bên ly hôn nên không xem xét, giải quyết.

4/ *Án phí*: Ông Châu Đình T phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về “Ly hôn” nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 150.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000419 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Ông T đã nộp đủ án phí.

5/ *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. C;
- CC THADS TP. C;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hiếu